

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 3 - 2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú

2. Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2025/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXX - ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Quỳnh C, sinh năm: 1982; địa chỉ: tổ dân phố H, phường L – Đ, tỉnh Lâm Đồng. *có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm: 1977; địa chỉ: đường P, phường X – Đ, tỉnh Lâm Đồng. *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Quỳnh Châu thì:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đ (nay là phường X – Đ). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng đi thuê nhà sống đến năm 2015 mua nhà về sống tại tổ dân phố H, phường L – Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Bên cạnh đó theo bà được biết ông T có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà chỉ nghe nói chứ không có chứng cứ chứng minh. Hiện tại vợ

chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

Theo lời khai trình bày của bị đơn ông Lê Văn T thì:

Ông thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà C trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống được 19 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có sự thông cảm nên xảy ra mâu thuẫn. Nay ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 02/07/2006 (đã thành niên) và Lê Mai Khánh A, sinh ngày 24/01/2015. Ly hôn cháu Nhật A đã thành niên ở với ai do cháu tự quyết định, bà C yêu cầu được nuôi cháu Khánh A, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, ông T đồng ý.

Về tài sản chung: hai bên tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T. Bị đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Trương Quỳnh C và ông Lê Văn T kết hôn với nhau năm 2006, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông T đang cư trú tại đường P, phường X – Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2006 của Ủy ban nhân dân 10, Đ (nay là phường X – Đ), lời khai trình bày đương sự đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông T sau khi kết hôn hạnh phúc đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, thấy rằng hôn nhân giữa hai bên trên thực tế không còn tồn tại, hai bên không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà C có nguyện vọng được ly hôn thì ông T đồng ý và không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Dựa trên lời khai trình bày của các đương sự đã đủ cơ sở khẳng định giữa bà C và ông T có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 02/07/2006 (đã thành niên) và Lê Mai Khánh A, sinh ngày 24/01/2015.

Cháu Lê Nhật A đã thành niên ở với ai do cháu tự quyết định. Xét thấy, cháu Lê Mai Khánh A, sinh ngày 24/01/2015 là con gái và có nguyện vọng ở với bà C nên để tránh xáo trộn sinh hoạt của con, đảm bảo cho con về mọi mặt cần giao con chung Lê Mai Khánh A, sinh ngày 24/01/2015 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng, ông T đồng ý nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông T.

[3.3] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Quỳnh C về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà Trương Quỳnh C được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung:

Cháu Lê Nhật A đã thành niên ở với ai do cháu tự quyết định. Giao con chung Lê Mai Khánh A, sinh ngày 24/01/2015 cho bà Trương Quỳnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến ngày con chung thành niên.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Trương Quỳnh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0011706** ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự KV1 – Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương – Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

